

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2021/DS-ST.

Ngày 02/6/2021.

*“V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản và thế chấp tài sản”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Nam;
Ông Lê Văn Được.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Đào là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Lý Phước Bền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2020/TLST-DS, ngày 26 tháng 10 năm 2020, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thế chấp tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2021/QĐXXST-DS, ngày 26 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2021/QĐST-DS, ngày 14 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần K

Trụ sở: 40-42-44 Phạm Hồng T, phường V, thành phố R, tỉnh K.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Tuấn A, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thành L, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP K – PGD D. Có mặt

Địa chỉ: Khóm 1, Phường 1, thị xã D, tỉnh T.

Bị đơn:

- Ông Nguyễn Tấn B, sinh năm 1975. Vắng mặt không lý do.

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Bà Hà Bích P, sinh năm 1969. Vắng mặt không lý do.

Địa chỉ: Ấp B, xã L, thị xã D, tỉnh T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Lê Thanh T, sinh năm 1984. Vắng mặt không lý do.

- Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1951. Vắng mặt không lý do.

- Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1950. Vắng mặt không lý do.
Cùng địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Nguyễn Thành L là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP K trình bày:

Vào ngày 23/02/2017 ông Nguyễn Tấn B và bà Hà Bích Ph có ký hợp đồng tín dụng số TD 057/17/HĐTD/1601-4912 với Ngân hàng TMCP K - PGD D để vay số tiền là 140.000.000 đồng, lãi suất vay là 12,6%/ năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, mục đích bổ sung vốn mua tôm sú, tôm thẻ, nuôi cua, thời hạn vay 12 tháng (*ngày giải ngân 03/3/2017 ngày đến hạn 03/3/2018*), tiền phạt chậm trả lãi bằng 0,05%/ ngày. Hình thức trả tiền lãi là 3 tháng một lần và hình thức trả tiền gốc là ngày kết thúc thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ.

Khi vay ông Nguyễn Tấn B và bà Hà Bích P có ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: TC 057/17/HĐTC-BĐS/1601-4912, ngày 23/02/2017, thế chấp thửa đất số 275, tờ bản đồ số 9, diện tích 6.970 m² mục đích sử dụng; đất trồng lúa nước do ông B đứng tên quyền sử dụng đất để bảo đảm số tiền vay.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông B và bà P không đóng lãi và trả vốn gốc cho Ngân hàng theo như cam kết ghi trong hợp đồng tín dụng, cán bộ tín dụng đã nhiều lần liên hệ ông B và bà P để yêu cầu trả vốn gốc và lãi suất nhưng ông, bà không thực hiện. Nay ông Nguyễn Thành L đại diện cho nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Nguyễn Tấn B và bà Hà Bích P phải trả số tiền gốc là 140.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 17.916.500 đồng, tiền lãi quá hạn là 57.771.000 đồng. Đối với số tiền phạt chậm trả lãi trước đây Ngân hàng yêu cầu ông B và bà P trả là 8.262.767 đồng, tại phiên tòa ông L đại diện cho Ngân hàng yêu cầu ông B, bà P trả số tiền phạt chậm trả lãi là 4.590.426 đồng. Đồng thời yêu cầu ông B và bà P tiếp tục trả lãi suất phát sinh kể từ ngày 29/4/2020 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng, mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng số TD 057/17/HĐTD/1601-4912, ngày 23/02/2017.

- Yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là thửa đất số 275, tờ bản đồ số 9, diện tích 6.970 m², mục đích sử dụng; đất trồng lúa nước do Ủy ban nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh cấp ngày 16/9/2014 cho ông Nguyễn Tấn B đứng tên quyền sử dụng đất để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP K.

Tại phiên tòa lần thứ hai, bị đơn ông Nguyễn Tấn B và bà Hà Bích P vắng mặt không lý do nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa lần thứ hai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị Nh và anh Lê Thanh T vắng mặt không lý do nên không có lời trình bày.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đều tổng đạt đầy đủ cho đương sự nhận và niêm yết theo quy định pháp luật. Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án:* Căn cứ vào các Điều 117, 119, 317, 318, 319, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Nguyễn Tấn B và bà Hà Bích P phải trả số tiền gốc là 140.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 17.916.500 đồng, tiền lãi quá hạn là 57.771.000 đồng và tiền phạt chậm trả lãi là 4.590.426 đồng. Đồng thời buộc ông B và bà P trả lãi phát sinh kể từ ngày 29/4/2020 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số TD 057/17/HĐTD/1601-4912, ngày 23/02/2017.

Trường hợp ông B và bà P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP K thì buộc ông Nguyễn Tấn B, bà Hà Bích P, ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị Nh và anh Lê Thanh T giao tài sản thế chấp là thửa đất số 275, tờ bản đồ số 9, diện tích 6.970 m², mục đích sử dụng: đất trồng lúa nước do Ủy ban nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh cấp ngày 16/9/2014 cho ông Nguyễn Tấn B đứng tên quyền sử dụng đất cho cơ quan có thẩm quyền phát mãi để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP K.

- Đối với anh Lê Thanh T là người thuê đất nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đều vắng mặt không lý do và không có đơn yêu cầu giải quyết hợp đồng thuê đất giữa anh T và ông M, bà Nh nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc ông Nguyễn Tấn B và bà Hà Bích P phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

- *Phản kiến nghị:* Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa lần thứ hai bị đơn ông Nguyễn Tấn B, bà Hà Bích P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn M,

bà Nguyễn Thị Nh và anh Lê Thanh T vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét thấy Ngân hàng TMCP K khởi kiện ông Nguyễn Tấn B, bà Hà Bích P yêu cầu trả tiền gốc, tiền lãi suất trong hạn, tiền lãi suất quá hạn và tiền phạt chậm trả lãi, đồng thời yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thế chấp tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn:

- Về hợp đồng vay tài sản: Xét thấy ngày 23/02/2017 Ngân hàng TMCP K –PGD D có cho ông Nguyễn Tấn B và bà Hà Bích P vay số tiền gốc là 140.000.000 đồng, lãi suất vay là 12,6%/ năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, mục đích bổ sung vốn mua tôm sú, tôm thẻ, nuôi cua, thời hạn vay 12 tháng (*ngày giải ngân số tiền 90.000.000 đồng là ngày 03/3/2017 và ngày giải ngân số tiền 50.000.000 đồng là ngày 04/3/2017*), hình thức trả tiền lãi là 3 tháng một lần và hình thức trả tiền gốc là ngày kết thúc thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ.

Sau vay tiền của Ngân hàng thì ông B, bà P không đóng lãi và trả vốn gốc cho Ngân hàng đúng như cam kết ghi trong hợp đồng tín dụng, cán bộ tín dụng đã nhiều lần liên hệ ông B, bà P để yêu cầu trả vốn gốc và lãi suất nhưng ông B, bà P không thực hiện. Đồng thời ông B, bà P bỏ địa phương đi khỏi nơi cư trú mà không thông báo cho Ngân hàng biết địa chỉ mới là vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Từ đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu giải quyết buộc ông Nguyễn Tấn B và bà Hà Bích P phải trả số tiền gốc là 140.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 17.916.500 đồng, tiền lãi quá hạn là 57.771.000 đồng. Đối với số tiền phạt chậm trả lãi trước đây Ngân hàng yêu cầu ông B, bà P trả là 8.262.767 đồng, tại phiên tòa ông L đại diện cho Ngân hàng chỉ yêu cầu ông B, bà P trả số tiền phạt chậm trả lãi là 4.590.426 đồng. Đồng thời buộc ông B, bà P tiếp tục trả lãi suất phát sinh kể từ ngày 29/4/2020 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng, mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng số TD 057/17/HĐTD/1601-4912, ngày 23/02/2017.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông B và bà P đều vắng mặt không lý do.

Xét thấy ông B, bà P có vay tiền của Ngân hàng khi đến kỳ hạn thanh toán tiền gốc và lãi suất nhưng ông, bà không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm nghĩa vụ của bên vay, đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Quá trình giải quyết vụ án, phía Ngân hàng cung cấp các chứng cứ gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 275 do ông Nguyễn Tấn B đứng tên quyền sử dụng đất; hợp đồng tín dụng số: TD057/17/HĐTD, ngày 23/02/2017; hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 057/17/HĐTC-BDS/1601-4912, ngày 23/02/2017; Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 057.1/17/KUNN.DN, ngày 03/3/2017; Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 057.2/17/KUNN.DN, ngày 04/3/2017; đơn yêu cầu đăng ký thế

chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đề ngày 23/02/2017; phiếu chi đề ngày 03/3/2017 và ngày 04/3/2017; biên bản làm việc đề ngày 30/8/2017 đã chứng minh được ông B, bà P có vay tiền của Ngân hàng và còn nợ Ngân hàng số tiền nêu trên chưa trả. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc ông Nguyễn Tấn B và bà Hà Bích P phải trả số tiền gốc là 140.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 17.916.500 đồng, tiền lãi quá hạn là 57.771.000 đồng và 4.590.426 đồng tiền phạt chậm trả lãi, đồng thời buộc ông B, bà P tiếp tục trả lãi suất phát sinh kể từ ngày 29/4/2020 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng, mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng số TD 057/17/HĐTD/1601-4912, ngày 23/02/2017.

- Về hợp đồng thế chấp tài sản:

Khi vay số tiền 140.000.000 đồng của Ngân hàng TMCP K – PGD D thì ông B, bà P có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 057/17/HĐTC-BDS/1601-4912, ngày 23/02/2017 và thế chấp thửa đất số 275, tờ bản đồ số 9, diện tích 6.970 m² do ông Nguyễn Tấn B đứng tên quyền sử dụng để bảo đảm số tiền vay.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị Nh vắng mặt lần thứ hai không lý do nhưng trong quá trình giải quyết vụ án ông M, bà Nh có lời trình bày: Sau khi ông B đứng tên thửa đất 275 thì ông B, bà P không có canh tác thửa đất 275 mà giao thửa đất trên cho ông M và bà Nh canh tác. Sau đó ông M và bà Nh cho anh T thuê thửa đất trên để canh tác, nhưng không có làm hợp đồng thuê mà chỉ thỏa thuận miệng, thời hạn thuê thửa đất trên là 15 năm, giá thuê là 30 gia lúa/năm. Sau khi thu hoạch lúa xong thì anh T mới trả tiền quy đổi từ 30 gia lúa chứ ông M, bà Nh không có nhận tiền trước. Việc ông M, bà Nh cho anh T thuê thửa đất trên thì ông B, bà P không thông báo cho Ngân hàng biết là vi phạm nghĩa vụ thế chấp được quy định tại Điều 321 của Bộ luật dân sự. Quá trình giải quyết vụ án ông M và bà Nh cũng đồng ý lấy lại thửa đất 275 đã cho anh T thuê để giao cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

Xét thấy thửa đất số 275, ông B và bà P đã thế chấp cho Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 057/17/HĐTC-BDS/1601-4912, ngày 23/02/2017 để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi suất khi đến hạn, do ông B, bà P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ từ đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu phát mãi thửa đất số 275 để thu hồi gốc và lãi suất cho Ngân hàng là đúng quy định pháp luật. Căn cứ Điều 323 của Bộ luật dân sự Hội đồng xét xử buộc ông B, bà P, ông M, bà Nh cùng anh T có nghĩa vụ giao lại thửa đất số 275 cho cơ quan có thẩm quyền phát mãi để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP K.

Theo lời trình bày của ông M, bà Nh cho rằng có cho anh Lê Thanh T thuê thửa đất 275, quá trình giải quyết vụ án các đương sự không tranh chấp riêng anh T không hợp tác với Tòa án, cũng không có văn bản nêu ý kiến của anh về hợp đồng thuê đất giữa anh với ông M, bà Nh. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Tấn B và bà Hà Bích P phải chịu án phí theo quy định.

[5] Xét ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang phát biểu về việc tuân theo pháp luật Tổ tụng dân sự và quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 91, 147, 235, 228 và Điều 273 của Bộ luật Tổ tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 299, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 324, 463, 466 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 7 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K.

- Về số tiền gốc và lãi suất:

Buộc Nguyễn Tấn B và bà Hà Bích P phải trả số tiền gốc là 140.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 17.916.500 đồng, tiền lãi quá hạn là 57.771.000 đồng và tiền phạt chậm trả lãi là 4.590.426 đồng (*tính đến ngày 28/4/2020*) cho Ngân hàng TMCP K.

- Về lãi suất chậm trả:

Kể từ ngày 29/4/2020 buộc ông Nguyễn Tấn B và bà Hà Bích P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số: TD 057/17/HĐTD/1601-4912, ngày 23/02/2017. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay trong từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Về tài sản thế chấp:

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Nguyễn Tấn B và bà Hà Bích P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP K thì buộc ông Nguyễn Tấn B, bà Hà Bích P, ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị Nh và anh Lê Thanh T giao tài sản thế chấp là thửa đất số 275, tờ bản đồ số 9, diện tích 6.970 m², mục đích sử dụng: đất trồng lúa nước, do Ủy ban nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh cấp ngày 16/9/2014 cho ông Nguyễn Tấn B đứng tên quyền sử dụng đất cho cơ quan có thẩm quyền phát mãi để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP K.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Tấn B và bà Hà Bích P phải chịu 11.013.896 đồng (Mười một triệu không trăm mười ba nghìn tám trăm chín mươi sáu đồng) án phí. Ngân hàng TMCP Kiên Long không phải chịu án phí hoàn trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền tạm ứng án phí là 5.598.756 đồng (Năm triệu năm trăm chín mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi sáu đồng) theo biên lai thu số 0002661, ngày 20/10/2020 của chi cục Thi hành án dân sự huyện C thu.

- Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi Cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Phương Hà